

Pháp Tu Phụ Lục

1. Phép Tu Nước Cam Lô



Đề trước mặt một chén nước sạch, đốt hương tốt cúng dường tượng Phật, cúng dường Thập Nhứt Diện Quan Âm và các bài chú là tốt nhất. Trên bàn Phật đơm hoa quả và vật cúng.

Tĩnh Tâm kỳ đảo:

Tay trái: Bung chén, ngón tay cái và ngón tay trở bấm hai đầu ngón lại với nhau thành vòng tròn, còn lại ba ngón kia duỗi thẳng ra, lòng bàn tay giữ chặt khu chén. (Bảo Thủ ấn)

Tay phải: Ngón tay trở và ngón tay giữa duỗi thẳng, còn lại ba ngón kia bấm đầu với nhau. Trong lúc niệm chú trên dưới vẩy hai ngón tay trở và giữa. (Cam Lô ấn)

Niệm chú: ***Om Ah Mi Ri Ta Hung Ra Ta***

Trì chú 21 biến, trong lúc trì chú quán tưởng đức Phật phóng ánh sáng trắng đến chén nước để gia trì cho nước thanh tịnh..

Nước Cam Lộ này có thể dùng để tẩy uế, pha nước trà, hoặc hòa vào trong bồn nước để tắm, hay dùng để lau mặt, mình cho bệnh nhân.

Nếu dùng chú Đại Bi để gia trì vào chén nước theo nghi lễ trên cũng tốt.

2. Phép Trừ Chướng

Những vị tín đồ của Mật Tông có thể lấy ngài Kim Cang Tát Đỏa làm vị bản tôn, niệm “Bách Tự Minh Chú” 21 biến. Quán tưởng Bản Tôn trên đỉnh đầu của mình, hai ngón cái của Ngài chảy ra nước Cam Lộ màu trắng nhập vào đảnh môn và chảy khắp thân thể của mình, thế là tự thân của mình chảy ra các loại máu mủ, chất dơ, cặn bã ... bài tiết ra lỗ chân lông mà ra ngoài, rồi thấm sâu vào lòng đất, biến thành màu đỏ và được loại “Ma Ngưu” nuốt vào.

Trong lúc thu kết, hãy quán tưởng hang ở dưới đất đóng cửa, không thấy được “Hồng Ngưu”. Ngài Kim Cang Tát Đỏa đã biến thành ánh sáng dung nhập vào tâm luân của chính mình, ánh sáng màu trắng cháy hừng hực.

Người chưa từng tu qua Mật Tông, có thể niệm chú “Đại Bi”, hướng về ngài Thập Nhất Diện Quan Âm mà cầu nguyện, và sám hối tội nghiệp của bản thân từ vô lượng kiếp đến nay. Đồng thời quán tưởng ngài Quan Thế Âm phóng ra ánh sáng màu trắng chiếu thẳng tới thân mình, làm cho tự thân mình được thanh tịnh.

3. Pháp Mộc Dục



Hãy quán tưởng ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát phóng quang chiếu thẳng đến nước tắm khiến cho nước ấy thanh tịnh, đồng thời tụng chú Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát:

Om Ah Ra Pa Tsa Na Dhi

Hoặc tu “Đại Bi Chú Thủy” (Tham khảo Quật Trước trong “Thuyết Quan Thế Âm Bồ Tát đử Đại Bi chú ») về phương pháp tu chú Thủy này, xong đem nước đổ vào bồn tắm mà tắm. Trong lúc tắm, hãy quán tưởng nước sạch này đã mang đi hết tất cả những nghiệp chướng trên thân thể mình. Cũng có thể dùng nước này để lau thân thể, hoặc rửa mặt cho người bị bệnh ma, quán tưởng những bệnh ma đều bị tịnh thủy trừ sạch.

4. Diệu Cát Tường Chiêm Bốc Pháp Nghi Quỹ

Nghi thức xin quẻ:

Đảnh lễ Diệu Cát Tường Đồng Tử

(Chấp tay niệm ba biến)

1. Tán: (Trước hết là chấp tay, sau đó niệm một biến , tay lắc hột 1 lần)

Đại Trí Diệu Cát Tường Đồng Tử,
Trí nhẫn tam thời vô chướng ngại.

Quy y Tam bảo tam căn bản,
Tâm hữu nghi hoặc sở khai thị

2. Tụng Văn Thù căn bản chú

Om Ah Ra Pa Tsa Na Dhi (21 biến)

Trong lúc niệm hãy quán tưởng Diệu Cát Tường Đồng Tử, tức Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cao khoảng 2 thước ngồi giữa không trung đối diện với mình. Ngài có 1 đầu, 2 tay. Tay phải cầm kiếm, mũi kiếm phóng ra ngọn lửa trí tuệ. Tay trái cầm một cành hoa sen xanh, cọng hoa sen tựa vào vai trái và hướng lên trên. Đóa hoa này màu xanh nở bên lỗ tai trái của Ngài. Trên đóa hoa có một cuốn kinh Bát Nhã. Tướng của Bốn Tôn giống như một thiếu niên 16 tuổi, đầu đội mũ ngũ Phật, suốt thân thể có đeo những tràng hạt châu trang nghiêm, hai chân ngồi kiết già phu tọa, toàn thân màu vàng, ngay giữa ngực cũng có một bài chú, từ bài chú đó phóng ra ánh sáng màu vàng chiếu thẳng chiếu thẳng đến hột súc sắc. Niệm chú xong (21 biến), cầm hột thuận tay bỏ vào hộp và lắc hột.

3. Vừa lắc hột vừa đọc bài chú Nhân Duyên:

Om yeadharma hetu pra-bhawa

Hetunte khen ta thagato haya watet

Te khen tsayo nirodha ewam wadi

Maha shramana soha

Phát âm:

*Om/yea dar ma/ Heh too/Pra bah wah/heh tun tay/Ken/Ta t'a ga
toe/Ha ya/Wa tet/tay ken/cha yo/Nee ro da/Eh vam/Wa dee/ ma
ha/ Shra ma na/So ha.*

Dịch nghĩa:

Chư pháp nhân duyên sanh,

Pháp diệt nhân duyên diệt.

Thị chú pháp nhân duyên,
Phật đại sa môn thuyết.

Trong lúc tụng bài chú Nhân Duyên chấp tay tiếp tục quán tưởng Ngài Diệu Cát Tường Đồng Tử đang ngồi trong hư không ngay trước mặt mình và phóng ra ánh sáng mau vàng từ giữa ngực Ngài, chiếu thẳng đến hột súc sắc. Tụng xong bung hộp lên nghĩ đến vấn đề muốn hỏi, lắc hộp đựng hột súc sắc, lắc lâu hay mau là tùy theo tâm ý mình mà định. Lắc xong một lần, nếu muốn xin quẻ lại một lần nữa thì lắc lại thêm một lần nữa. Trong lúc lắc, đương nhiên quán tưởng ngài Diệu Cát Tường Đồng Tử đang phóng ra ánh sáng màu vàng từ ngực chiếu thẳng đến hột và nghĩ đến vấn đề muốn hỏi như lần trước.

4. Sau khi lắc hột xong:

Chấp tay niệm 1 lần: Cát Tường Hoàn Mãn. Nam mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nghi thức đã trình bày trên đối với người đã được pháp Văn Thù Quán Đánh từ Mật Tông (thí dụ như Mật Tông Tây Tạng) có thể quán tưởng tự thân biến thành Diệu Cát Tường Đồng Tử tuyên thuyết bài kệ Nhân Duyên nói trên.

Nghi thức đã trình bày đây rất đơn giản, hy vọng độc giả sẽ làm đầy đủ để đạt được mục đích lợi sanh. Nếu thường ngày thường trì tụng Văn thù Tâm chú này và quán tưởng đều đặn thì chắc chắn sẽ thành tựu. Trong khi đọc lời giải thích các quẻ, nên đồng thời lý giải một số pháp nghi, do đó mà có thể nhập vào Phật Đạo (thông suốt nhân quả). Đây là mục đích chính của việc biên chép quyển sách chiêm bosc pháp này. Chỉ hy vọng độc giả không dùng quyển sách này để mưu lợi, nếu không có thể mất hết những gì đã đạt được từ trước.

Kính chúc quý vị độc giả vạn sự cát tường viên mãn.



5. Thập Nhất Diện Quán Âm

Hạnh Nguyên:

Thần chú của ngài Thập Nhất Diện Quán Âm có khả năng làm cho tất cả ma, quỷ, thần không thể khởi sanh những chương nạn, hiện thân có được 10 điều thắng lợi.

Thập Nhất Diện Quán Âm, tiếng Phạn là Ekadasa-Mukha, dịch ý từ Phạn văn là có 11 điều tốt nhất, hoặc là 11 đầu. Là một trong sáu vị Quán Âm. Nói đầy đủ là Thập Nhất Diện Quán Âm Bồ Tát là hóa thân của ngài Quán Thế Âm, có lúc lại xưng Đại Quán Âm Phổ Chiếu Quán Âm.

Theo Kinh Phật thuyết Thập Nhất Diện Quán Âm Thần chú viết: Lúc ấy Quán Thế Âm Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn, con có Tâm Chú tên là Thập Nhất Diện. Tâm chú này 11 ức chư Phật đã nói, vì tất cả chúng sanh nay con nói lại, mong muốn tất cả chúng sanh nhớ đến thiện pháp, muốn chúng sanh tránh khỏi tất cả những chương nạn do ma, quỷ, thần khởi lên.”

Chú Thập Nhất Diện Quan Âm này có sức mạnh rất rộng lớn, có khả năng tiêu trừ mọi tai chướng. Theo kinh Thập Nhất Diện Thần Chú nói rằng: Chí tâm khẩn niệm mỗi sáng như pháp thanh tịnh. Tụng chú này 108 biến, nếu làm được như vậy, hiện tại sẽ được 10 loại lợi ích:

1. Thân không có bệnh tật
2. Thường được 10 phương chư Phật bảo vệ
3. Tài bảo, y phục, thực phẩm thường dùng không thiếu thốn
4. làm cho người thù oán phải kính phục và mình không còn lo sợ nữa
5. Khiến mọi người đều tôn kính
6. Trùng độc, ác quỷ không hại được
7. Tất cả dao gậy không làm hại được
8. Không bị chết chìm
9. Lửa đốt không cháy
10. Suốt đời không bị chết bất đắc kỳ tử

Trong Kinh cũng nói, nếu có người một ngày không ăn, một đêm thanh tịnh nhất tâm tụng niệm, tức được vượt qua sanh tử trong 4 vạn kiếp (40,000 kiếp). Tất cả các loại hữu tình chỉ xưng niệm danh hiệu Như Lai, đều được Bất Thối Chuyển, viễn ly tất cả bệnh hoạn, tránh mọi tai họa hoạnh tử yếu vong, không bị nghiệp bất thiện do thân, khẩu, ý gây ra. Nếu y theo giáo pháp tương ứng mà quán hành, quả Phật và Bồ Tát chắc chắn là dễ đến được.

Lại còn có những sự quan hệ giữa Thập Nhất Diện và Thập Nhất Diện Quan Âm, trong kinh Hữu Vô Biên Phật Độ Công Đức nói: Thập Nhất Diện Quan Âm còn được gọi là Thập Nhất Phật, phía trước có ba mặt với tướng hảo rất từ bi, phân rõ là: Thích Ca Thế Giới Năng Tịch Phật, An Lạc Thế giới Vô Ngại Quang Phật, Cà Sa Tràng Thế Giới Kim Cang Kiên Cố Hoan Hỷ Phật. Bên trái 3 mặt, tướng hảo từ bi là: Bất Thối Luân Âm Cực Diệu

Viên Mãn Hồng Liên Phu Thân Phật, Tuyết Trần Thế Giới Pháp
Tràng Phật, Đăng Minh Thế Giới Sư Tử Phật.

Bên phải 3 mặt, tướng răng trắng là: Trang Nghiêm Thế Giới
Nhất Thiết Thần Thông Tuệ Quang Phật, Kính Kuân Thế Giới
Nguyệt Giác Phật, Phổ Hiền Thế Giới Hiền Thủ Phật.

Phía sau, mặt Phật với nụ cười vui vẻ là: Nan Siêu Thế Giới
Thân Phóng Pháp Quang Phật, Tối Thượng Phật Diện Nguyên
mãn Túc, cũng là Diệu Giác Thế Biến Chiếu Như Lai. Sau đây là
công đức và cách tụng niệm, trong “Giác Thiên Sao” có đưa ra
bài Thập Nhất Diện Quan Âm như sau:

Nam Mô Đương Tiền Tam Diện Từ Bi Tướng

Nam Mô Tiền Tam Từ Diện Cầu Như Ý

Nam Mô Tiền Tam Bi Diện Trừ Quỷ Bệnh

Nam Mô tả Biên Tam Diện Sân Nộ Tướng

Nam Mô Tả Tam Diện Phục Oán Tặc

Nam Mô Hữu Biên Tam Diện Bạch Nha Tướng

Nam Mô Đương Hậu Nhất Diện Báo Tiểu Tướng

Nam Mô Đảnh Thượng Nhất Diện Như Lai Tướng

Nam Mô Đảnh Thượng Phật Diện Trừ Tật Bệnh

Nam Mô Tối Thượng Phật Diện Nguyên Mãn Túc.

Lại nói: Nếu trong nước người và súc vật bị bệnh dịch, một bài
chú một nút để lên trên đỉnh cao nhất của Phật Diện, khiến cho
bệnh dịch sẽ tiêu trừ. Cũng theo trong Giác Thiên Sao nói: Nếu
theo Kinh này đã nói, có thể nói rằng trên đỉnh Phật Diện trừ
được bệnh dịch mà còn theo tiếng nói rõ ràng phát ra từ trên đó
cho người cầu đầy đủ mãn túc nữa. Kinh dạy rằng (Thất La
Phiệt) từ trên miệng của Phật Diện cao nhất đã phát ra âm thanh
ca tụng người hành giả này rằng: “Thiện tai! thiện tai! Thiện
nam tử, con có thể cầu nguyện như thế, ta sẽ làm cho con được
mãn nguyện đầy đủ.” Nếu y theo như trong bản văn này, cổ đức

đã nói rằng: “Trên đỉnh Phật diện trừ bệnh dịch, còn đỉnh của Phật diện cao nhất là để thỏa mãn những cầu nguyện.”

Trong Thập Nhất Diện, phía trước ba mặt (Tam diện) với tướng tĩnh lặng, đó là công đức của Đông Phương Đại Viên Cảnh Trí, là Bất Động Phật từ xưa đến nay luôn tĩnh lặng, biểu thị cho ý nghĩa chấm dứt các tai nạn.

Hình Tượng Thập Nhất Diện Quan Âm:



Căn cứ theo Kinh Thập Nhất Diện Quan Thế Âm Thần Chú, hình tượng là thân dài 1 thước 3 tấc, có 11 đầu, phía trước có 3 mặt, làm theo mặt của bồ tát, bên trái có 3 mặt sân tướng, bên phải có 3 mặt, làm theo mặt bồ tát, nhẹ răng dữ, phía trên sau có

1 mặt, làm mặt cười vui, trên cao 1 mặt làm mặt Phật, 1 mặt hướng về phía trước, sau có ánh sáng. 11 mặt đó đều có đội mũ hoa, trong mũ hoa đều có tượng Phật A Di Đà. Tay trái Ngài Quan Thế Âm cầm một bình đựng nước, trong miệng bình có 1 hoa sen mọc ra, tay phải Ngài có đeo một tràng hạt và kiết Thí Vô Úy Ấn

Mười một mặt của Thập Nhất Diện Quan Âm, mỗi mặt đều có ý nghĩa tượng trưng khác nhau. Trong 11 mặt, 3 mặt trước là Đại Từ tướng, trong lúc Bồ Tát nhìn thấy được chúng sanh hành thiện, cho nên sanh ra tướng vui vẻ và lòng đại từ. Ba mặt ở phía bên trái là sân tướng khi thấy chúng sanh hành ác, sanh ra lòng từ bi và tướng đại bi cứu khổ. Ba mặt phía bên phải, xuất tướng hàm răng trắng ở trên là thấy được tình nghiệp của chúng sanh nên phát xuất ra sự tán thán, khuyến tấn tướng. Một mặt ở phía sau là mặt cười là trong khi thấy thấy sự thiện ác, tạp uế của chúng sanh khiến cho cái ác quy thiện nên phát xuất ra nụ cười. Mặt Phật ở trên hết là tướng thuyết pháp cho chúng sanh tu tập pháp Đại Thừa.

Từ trước đến nay chỉ nhìn thấy bằng đồ tượng và sự diễn tả trong kinh điển hoặc nhiều hay ít đều có sự khác nhau, đó là sự xếp đặt 11 mặt không giống nhau, cũng như có tượng 2 tay, 4 tay, hoặc 8 tay...

Hình Tam Muội Da của Thập Nhất Diện Quan Âm là Quân Trì tức là bình đựng nước tắm (Tảo bình), còn gọi là Hiền Bình. Hiền Bình chứa nước Cam Lộ năng trừ tất cả lửa phiền não hay đốt chúng sanh. Trị liệu bệnh khổ của chúng sanh, trong Tập Kinh quyển thứ 12 nói rằng: “Vị Tọa Chủ có tên là Thập Nhất Diện Quan Âm, ngồi trên hoa sen cầm bảo bình có ánh sáng rực rỡ vây quanh.” Lại nói: “Ấn Cam Lộ là ấn đệ nhất để trừ hết tất cả mọi tật bệnh ở những nơi phát ra. Chí tâm niệm chú tức được

lành bệnh.” Hoặc là dùng MA (Ma Ni) này thành bình đựng nước tắm. Quán chữ Hrih thành bông sen có 12 cái gương sen hoặc chữ MA thành quân trì. Trong quân trì có 11 chữ Hrih, trong quân trì có nước từ bi, đó là nước Cam Lộ vậy. Hoặc nói nước Cam Lộ trong bình có chữ Hrih màu trắng.

Tự chủng của Thập Nhất Diện Quan Âm là: MA, SA, HRIH
Chơn ngôn:

Om Maha Karunika Svaha

Om Loke Jrala Hrih

Dịch nghĩa:

Qui mạng Đại Bi Thành Tuu

Qui mạng Thế Gian Quang Minh Hật Rị (Thông Chủng Tự)



6. ĐẠI HẮC THIÊN



Đại Hắc Thiên là một vị Trời rất kính ái Tam Bảo, hộ trì người tu hành, thỏa mãn đầy đủ tư tài (tiền bạc, của cải cho tất cả chúng sanh thế gian và xuất thế gian). Trong Phạm ngữ, Đại Hắc Thiên là Mahakala, là một trong những vị thần thủ hộ Mật Giáo, còn trong tiếng Hán Việt là Ma Ha Ca La hoặc Mặc Ha Ca La, Đại Hắc, hoặc Đại Thời, hoặc còn gọi là Ma Ha Ca thần.... Trong Ấn Độ giáo (Hindu) vị thần có biệt danh là Siva (Thập Bà hay Bà Đột Ca, hậu của Thập Bà hóa thân) chur phá hoại chiến đấu. Phật giáo lại thấy đây là hóa thân của Đại Tự Tại Thiên, hoặc ngài Tỳ Lô Giá Na Phật hóa thân. Các thuyết không giống nhau, trong đó có thuyết xem ngài Đại Hắc Thiên như một vị phước thần để cúng bái cầu xin. Trong Đại Nhật Sớ kinh nói rằng đây là vị thần phần nộ, hàng phục Đò Cát Ni. Cũng có thuyết nói rằng vị thần này là Ma Ê Thủ La (Đại Tự Tại Thiên)

hóa thân, tức là Trung Gian thân, Chiến Đấu thân. Thuyết này đã công nhận Đại Hắc Thiên là Ma Ê Thủ La hóa thân cùng với vô số quyến thuộc quỷ thần ban đêm du hành ở trong rừng, ăn máu thịt của người sống để có sức mạnh cho các phép chiến đấu để đạt toàn thắng. Do đó Đại Hắc Thiên còn gọi là Chiến Đấu Thân.

Căn cứ vào kinh Đại Tập Đại Phương Đẳng, quyển 55, phẩm Phân Bố Diêm Phù Đề đã nói rằng: “Đại Hắc Thiên Nữ và Thiện Phát Cát Thát Bà đều hộ trì cho nước Bà La Nại.”

Trong Mật giáo Tây Tạng, Đại Hắc Thiên được gọi là Mahakala, là vị tôn chủ hộ pháp trọng yếu. Sự truyền thừa hình tượng Ngài trong các trường phái Tây Tạng thì không đồng nhau, tánh chất và tác dụng cũng bất đồng. Tôn tượng và đặc tính của Ngài Đại Hắc Thiên có rất nhiều cách diễn tả khác nhau như: Đại Hắc Thiên hai tay chủ yếu là hộ trì cho những hành giả tu Hỷ Kim Cang. Đại Hắc Thiên bốn tay chủ yếu hộ trì cho hành giả tu Đại Thủ Ấn. Đại Hắc Thiên sáu tay chủ yếu hộ pháp cho phái Hương Ba Cát Cử và Cách Lỗ. Đại Hắc Thiên sáu tay màu trắng chủ yếu hộ pháp của phái Tát Ca Cử, trong đó Bạch Ma Ca La còn có tên là Bốn Tôn Tài Thần. Ngoài ra vị Trời này còn là Tài Phước thần, Ty Âm Thực.

Trong Nam Hải Ký Quy Nội Pháp truyện, quyển 1 Thọ Tế Quỷ Tắc có đề cập: “Tất cả các đại tu viện ở phía tây, bên cột nhà bếp hoặc trước các kho tàng, đầu cột có điêu khắc hình tượng Đại Hắc Thiên màu đen.”

Tương truyền vào thời cổ đại, Đại Hắc Thiên là thuộc hạ của Hỏa Thiên, rất kính ái Tam Bảo, hộ trì 5 chúng để khỏi bị hoa tôn, phàm có người cầu đều được xứng nguyện. Mỗi khi đến giờ ăn cơm, vị thầy đặc trách nhà bếp thường thường dâng cúng lên ngài Đại Hắc Thiên hương đèn, đồ ăn trước. Trong văn bản cũng có đề cập đến chùa, miếu ở Hoài Bắc, tuy nhiên không có

phong tục cúng dường ngài Đại Hắc Thiên. Phàm có người cầu xin đều có ứng nghiệm một cách lạ lùng.

Ngoài những điều này, ở Nhật Bản các chùa đều căn cứ vào Nam Hải Ký Quy truyện có nói: “Thịnh hành nhất là các nhà kho ở nhà bếp đều an trí tượng ngài Đại Hắc Thiên hai tay”.

Trong Nam Hải truyện cũng có viết về sự tích ứng hóa của Đại Hắc Thiên.

Có một ngôi chùa tên là Đại Niết Bàn Thiên Na Tự, thường ngày ở trong chùa có khoảng 100 tăng sĩ, nhưng hằng năm đến mùa lễ bái thì có nhiều tăng sĩ các nơi hội về. Điều này làm ban ẩm thực ở chùa gặp nhiều khó khăn. Có một lần, vào buổi trưa có khoảng 500 tăng khách đến đây lễ bái, chùa không còn khả năng cung cấp đồ ăn uống trong lúc này, nhưng cũng không thể để cho 500 vị tăng khách nhịn đói. Trong khi tất cả mọi người trong chùa không biết giải quyết bằng cách nào, thì có một bà già nói: “Chuyện này là thường xảy ra, đại chúng đừng nên lo lắng.” Chỉ thấy bà lão đốt một nắm hương lớn, hướng về ngài Đại Hắc Thiên, thành kính bạch rằng: “Đại thánh! Chư tăng bốn phương đến đây để dâng lễ bái thánh tích. Kính mong ngài đừng để cho đại chúng thiếu đồ ăn.” Khi lời cầu nguyện này chấm dứt, liền khiến cho đại chúng lấy số thực phẩm trước đây dự trữ để cung cấp cho tất cả đem ra, nhưng lạ thay, số người ăn so với số bình thường hơn nhau mấy trăm người, nhưng thức ăn vẫn không thiếu. Đại chúng vô cùng cảm kích và kinh dị.

Người Nhật cũng lấy ngài Đại Hắc Thiên là một trong bảy vị phước thần. Vị Đại Hắc Thiên được công nhận giúp cho thế gian quan vị và phú quý, đã được nhân gian sung tín rộng rãi. Đông Mật tương truyền ngài Đại Hắc Thiên nguyên là Đại Nhựt Như Laithị hiện hình tướng của thần Dược Xoa phần nộ để hàng phục ác ma. Tạng Mật lại truyền là Quan Thế Âm Bồ Tát thị hiện hóa làm vị đại hộ pháp. Có sự tương đồng giữa 2 hệ phái

Mật Tông Nhật Bản và Tây Tạng đều xem trọng pháp tu của Bồn Tôn.

Do tôn này thống lãnh vô lượng quỷ thần quyén thuộc, lại còn thêm kỹ thuật phi hành và ản hình lâu, cho nên trong chiến tranh thường gia hộ cho các sở cầu của chúng sanh khiến cho thực phẩm đợc đầy đủ. Do đây mà các tu viện ở Ấn Độ và Trung Quốc, tỉnh Giang Nam người dân thường thờ cúng trong nhà bếp. Người ta cũng thờ cúng vị Đại Hắc Thiên trong nghĩa địa. Cũng tương truyền rằng vị thần này cùng với quyén thuộc của Thất Mẫu Nữ Thiên thường cứu giúp người nghèo khó. Do đó mà Đại Hắc Thiên đợc thông dụng gọi bằng 4 tên: Chiến Đấu Thần, Trù Phòng Thần (nhà bếp), Trùng gian Thần (Nghĩa Địa), Phước Đức Thần.

Đại Hắc Thiên Hình Tượng



Liên quan đến tôn tượng của Ngài, trong Tuệ Lâm Âm Nghĩa, quyển 10, mô tả tượng ngài có 8 tay, thân ngài màu mây đen xanh. Hai tay ôm ngang bụng cầm cái kích chia ba, tay phải thứ hai cầm con dê màu đen xanh, tay trái thứ hai nắm đầu tóc của nốt nga quý, tay phải thứ ba cầm kiếm, tay trái thứ ba cầm Khiết Trá Cang Ca tức là cái chuông đầu lâu dấu hiệu phá hoại, tai họa. Hai tay sau, mỗi tay để ở trên vai đỡ một tấm da voi trắng như trong thế mặc áo. Dùng rắn độc xâu đầu lâu là chuỗi hột. Phía trên nhe răng cộp ra tạo nên hình tướng rất hung giữa. Dưới có Địa Thần Nữ Thiên đang dùng 2 tay để đỡ chân.

Ngoài những điều tương tự mà sách Đại hắc Thiên Thần Pháp đã ghi, còn có hình ngài là 3 mặt sáu tay màu xanh. Tay trái và tay phải của mặt trước để ngang cầm kiếm, tay trái thứ nhất cầm búi tóc của người nâng lên, tay mặt thứ nhất cầm một con dê cái, hai tay thứ hai để sau lưng trùm 1 tấm da voi. Cổ dùng đầu lâu làm hột chuỗi. Trong tranh Mạn Đà La có tôn hình và hình tượng này giống nhau, chỉ trừ con dê và đầu người là khác nhau. Nhưng trong Tối Thắng Tâm Kinh nói rằng ngài Đại Hắc Thiên mặc da voi, cầm ngang một cây thương, một đầu đâm thẳng vào một đầu người, đầu kia đâm vào một con dê. Trong Nam Hải Ký Quy truyện nói hình của vị này đeo túi vàng, ngồi trên một giường nhỏ và thòng một chân .

Nói tóm lại, liên quan đến tôn hình của ngài thông thường có 2 loại, một loại hiện phần nộ như thân màu đen, ngồi trên tòa hình tròn, trên tóc phát ra lửa dựng đứng, ba mặt sáu tay, tay phải thứ nhất cầm mặt dao hình mặt trăng nằm ngửa, tay thứ nhì cầm tràng hạt bằng xương, tay thứ ba cầm trống nhỏ. Tay trái thứ nhất cầm thiên linh cái, tay trái thứ hai cầm chia ba, tay trái thứ ba cầm xích Kim Cang, phía trên 2 bên trái phải 2 tay nắm một miếng da voi căng rộng.

Một loại khác tạo hình theo phước thần, làm theo hình dáng của

phàm nhọn, đầu đội mũ tròn, vai mang 1 cái bị, cầm một cái chày nhỏ, chân đạp bị gạo.

Trong lúc tu pháp điều phục, phần nộ hình được dùng nhiều trong pháp hàng ma. Phước thần được dùng trong pháp tu cầu phước đức.

Người tu tập về Đông Mật hoặc Tạng Mật, đối với ngài Đại hắc Thiên có phần quan trọng. Hành giả dùng ngài để cầu đảo, trừ ma, thành tựu thắng lợi và công đức.

Tự chủng: Ma

Chơn Ngôn: *Om Maha-Kalaya svaha*

Nghĩa: Qui mạng, Đại Hắc thành tựu

Chơn ngôn: Om Micch micch svare taragate svaha

Nghĩa: Qui mạng hàng phục, tự tại, cứu độ thanh tịnh.

7. Kim Cang Tát Đỏa



Kim Cang Tát Đỏa tượng trưng diệu ý phiên não tức Bồ Đề và

sự kiên cố bất hoại của Bồ Đề Tâm. Có thần chú Bách Tự Minh có khả năng sám hối, tiêu trừ tội chướng, làm cho hành giả có 3 nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh.

Kim Cang tiếng Phạn là Vajrasattva. Vajra là kim cương. Sattva là Tát Đỏa, cũng là hữu tình chúng sanh, tức loại chúng sanh có tình thức phân biệt với loại vô tình như đất, cát, đá, cây bao đồng. Tên tiếng Tây Tạng là Rdo-rje semsdpah, nghĩa là tâm Kim Cang dững mãnh. Kim Cang Tát Đỏa còn gọi là Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ, Chấp Kim Cang Bí Mật Thủ, Trì Kim Cang Cụ Tuệ Giả, Kim Cang Thượng Thủ, Đại Dược Kim Cang, Nhưt Thiết Như Lai Phổ Hiền, Phổ Hiền Tát Đỏa, Phổ Hiền Kim Cang Tát Đỏa, Kim Cang Thắng Tát Đỏa, Kim Cang Tạng, Chấp Kim Cang, Bí Mật Chủ, Kim Tát, Mật Hiệu Chơn Như, Kim Cang, hoặc Đại Dững Kim Cang đều lấy Tâm Bồ Đề thanh tịnh, kiên cố, và bất động để hàng phục tất cả loài hữu tình ngoại đạo. Vì vậy nên được gọi là đại dững. Còn tịnh tâm Bồ Đề là căn bản y thể của hằng sa công đức nên có tên là Chân Như.

Vậy Kim Cang Tát Đỏa tượng trưng cho tâm Bồ Đề kiên cố, bất hoại và diệu lý của phiền não tức Bồ Đề. Danh xưng này trong Phật giáo có 4 ý nghĩa:

1. Vị Tổ thứ hai truyền pháp Mật pháp.
2. Trong Mạn Đà La Kim Cang giới, ngài là một trong 37 tôn vị ở Bộ Viện Kim Cang.
3. Trong Lý Thú hội Mạn Đà La Kim Cang giới ngài là chủ tôn của 17 tôn vị.
4. Trong Lý Thú hội Mạn Đà La Kim Cang giới ngài là chủ tôn Đại Trí Kim Cang bộ của Kim Cang bộ viện.

Ngoài 4 ý trên, căn cứ Kinh Đại Giáo Vương, quyển 8 nói rằng: Ngài Kim Cang Tát Đỏa

đả giáng xuống hội Tam Thế Yết Na, trong hình tướng của Tam Thế Minh Vương 8 tay 3 mặt,

làm giáo lĩnh luân thân của A Súc Như Lai. Cho nên tôn hệ này đã phụng giáo sắc của Như Lai

để hàng phục số cứng đầu khó hoá độ của Đại Tự Tại Thiên Chúng, nên đã thị hiện tướng Minh Vương.

Tuy đã kể ra các loại Kim Cang Tát Đỏa như trên, nhưng trong Mật Tông thường dùng Kim Cang Tát Đỏa là Tâm Bồ Đề.

Trong 4 gia hạnh của Mật Tông Tây Tạng, Chú Bách Tự Minh là phương pháp sám hối quan trọng nhất. Bách Tự Minh còn có tên là Bách Tự chơn ngôn, Bách Tự Mật Ngữ, Kim Cang Bách Tự Minh, hoặc Kim Cang Tát Đỏa Bách Tự Minh.

Bách Tự Minh là có 2 loại: Trường chú và tâm chú. Mỗi buổi tối trước khi đi ngủ, nên trì 7 biến để sám hối những lỗi lầm trong ngày đã phạm. Khi kết một nghi thức hành pháp cũng thường tụng chú Bách Tự Minh này để bổ khuyết những điều thiếu sót. Những hành giả Mật Tông thường nhận lãnh Quán Đảnh nhiều tôn, do đó nếu không có pháp để hoàn tất toàn bộ pháp tu của các tôn, thì một mặt đem các tôn dồn vào Bản tôn mà tu, mặt khác mỗi tối phải nên niệm chú Bách Tự Minh để bổ khuyết.

Ngoài ra người lớn tuổi nếu sợ chú Bách Tự Minh quá dài trong Tứ Gia Hạnh (Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhật), mà muốn sớm đạt được viên mãn công đức của 100,000 biến, đầu tiên có thể y theo Bách Tự Minh quán tưởng và trì chữ Ah (100,000 biến).

Còn người trẻ tuổi thì đừng theo phương pháp này mà phải theo đúng nghi quỹ để tu hành. Trì Bách Tự Minh 100,000 biến là pháp tu căn bản.

Trì tụng chơn ngôn có thể chọn Phạn hoặc Tạng văn. nếu không phát âm được Phạn văn và Tạng văn thì có thể tụng nghĩa bằng Trung (Hoa) văn (Có thể tụng bằng Việt âm). Theo sự truyền thừa của Bạch giáo ở Tây Tạng, Bạch giáo đề đã tu trì pháp Kim Cang Tát Đỏa cộng thêm phần quán vào phần giữa của cái đầu

(trung mạch) thành một tam giác cân đáy lên trên, mũi chỉ xuống miệng như một cái phễu, phân rõ thành 2 huyết thái dương và trung tâm của hậu não, từ từ hút vào yết hầu (mũi của tam giác). Đồng thời ở giữa phần trên đỉnh đầu quán thêm một chữ Ah màu trắng.

Ngoại trừ đã quán tướng trên đỉnh đầu Kim Cang Tát Đỏa Phụ Mẫu Cam Lộ quán đánh, chữ Ah màu trắng này cũng chảy xuống cam lộ trắng.

Chú Bách Tự Minh: Dịch nghĩa

Om Qui mạng

Vajra -sattva Kim Cang Tát Đỏa

Samaya Tam muội da

Manu palaya Nguyên thủ hộ ngã

Vajra Sattvenopathista Vi Kim Cang Tát Đỏa vi

Dridhome bhava Vi Kiên Lao ngã

Sutosyomebhava U' ngã khả hoan hỉ

Supossyamebhava Kim ngã tùy Tâm dư

Anuraktomebhava Kim ngã thiện tăng ích dã

Sarva Siddhim Meprayassca Thọ dữ ngã nhất thiết tất địa

Sarva Karmesu came Cập chư sự nghiệp

Cittam Siyam Linh ngã an ổn

Kuru Tác

Hum Hồng

Ha ha haha Tứ vô lượng Tâm

Ho Hỉ lạc chi thanh

Bhagavam Thế tôn

Sarva tathagata Nhất Thiết Như Lai

Vajra ma me munca Nguyên Kim Cang mạc xả ly ngã

Vajra bhava Linh ngã vi Kim Cang

Maha samaya sattva. Tam muội da tát Đỏa

Ah Ah

Tâm chú: Om Vajra Sattva, Ah . Nếu thời gian không đủ, hành giả có thể tụng tâm chú



8. Phổ Ba Kim Cang



Ngài Phô Ba Kim Cang có đầy đủ oai lực và lòng từ bi không gì so sánh được, có khả năng đoạn trừ những bức hại của quỷ thần, phi nhơn, thiên ma, ác thú (trù yểm). Đồng thời cũng có khả năng hàng ma, chấm dứt tai họa và tiêu trừ các khó khăn nguy hiểm. Phô Ba Kim Cang , dịch âm Hán là Đa Kiệt Thuấn Nỗ, ý là Kim Cang Nhụ Đồng.

Theo âm Tây Tạng, Phô Ba là cái “Cọc gỗ”. Sở dĩ có âm này là vì trong tay Ngài có một pháp khí chủ yếu. Đó là một vật hình tam giác có đỉnh rất nhọn, được gọi là “Cọc Kim Cang” hay “Kim Cang Quyết”. Ngày nay còn gọi là “chày Phô Ba”. Chữ “Phô” là Tánh Không. Phô Ba là sự kết hợp giữa Tánh Không và

Trí huệ mà thành chớ không phải nghĩa của 2 sư tánh.

Những hành giả Tây Tạng tu theo Mật Tông ngày xưa thường chọn ngài Phổ Ba là bản tôn. Theo sự truyền thừa ở Tây Tạng, các phái Cát Cư Ba, Ninh Mã Ba, Cách Lỗ Ba, và Tát Ca Ba cả 4 dòng phái đều có Phổ Ba Kim Cang Pháp, tuy nhiên chỉ có 2 phái Ninh Ma Ba và Tát Ca Ba đặc biệt coi trọng.

Phổ Ba Kim Cang có đầy đủ đại bi oai lực không gì sánh bằng, bên ngoài hiện tướng phần nộ để loại trừ tất cả những biến hại của chú yểm, Thiên Ma, phi nhơn, quỷ thần... và hàng phục được ma quân để tiêu trừ tai nạn và nguy hiểm. Ngoài ra còn có khả năng để đối trị được sự chấp trước, tham lam, phiền não của tự ngã, dứt trừ mọi chướng ngại từ trong nội tâm đến ngoại tướng.

Nhân duyên ngài Phổ Ba Kim Cang thị hiện được tương truyền như sau:

Ngày xưa trong rừng Tử Đà Lâm (Rừng bỏ thây người chết) có một Đại Quỷ Thần trú ngụ tên là Ma Đương Lỗ Trác. Quỷ thần này có 3 đầu, 6 tay, 4 chân, sau lưng có một đôi cánh thường đem nguy hại đến loài hữu tình trong tam giới.

Trong lúc đó ngài Kim Cang Tát Đỏa hiện thân phần nộ Cát Mã Hắc Lỗ Ca. Để hàng phục vị Đại quỷ thần này, ngài hóa thân thành Phổ Ba Kim Cang, thị hiện với hình tướng và sức mạnh như là Đại quỷ thần và không có sức mạnh hay oai thần nào sánh kịp.

Một thuyết khác lại nói rằng, ở giữa biên giới Ấn Độ và Nepal có một động đá tên là Lại Thu. Ngày xưa ngài Liên Hoa Sanh và công chúa Nepal là Thích Ca Đức Hoa trong lúc tu đạo thù thắng, có 3 con quỷ đến gây chướng ngại làm gián đoạn sự tu hành; đồng thời gây hạn hán cho vùng đất ấy trong 3 năm không một hạt mưa; bịnh dịch hoành hành, và bịnh đói kém kéo dài

nhều năm. Vì thế mà ngài Liên Hoa Sanh đã phái 2 sứ giả đến Ấn Độ, mang theo phép trừ gián đoạn tên là Phổ Ba để truyền lại rồi trở về. Trong khi sứ giả đang hành pháp để chống lại thì 3 vị quý này đều tự động tránh xa, lập tức trời mưa xuống và binh dịch cũng chấm dứt.

Lại tương truyền rằng: Ngày xưa, ngài Liên Hoa Sanh cùng đệ tử đi từ Tây Tạng vào xứ của Doa Xoa, trên đường đi ngang qua vùng tên là Không Than Lạp, một con đường mòn lồi xuống giữa 2 hòn núi. Ngài Liên Hoa hóa thành 2 thân người: một là Phổ Ba Kim Cang với thân thể sáng chói, còn thân kia vẫn là thân củ của ngài.

Ngài Liên Hoa Sanh hỏi các đệ tử: “Các con sẽ hướng về ai để đánh lễ.”

Các đệ tử đều trả lời: “Trước đây chúng con mỗi ngài đều thấy Liên Sư, mà chưa thấy được bản tôn Phổ Ba Kim Cang, đến ngày hôm nay mới được thấy ngài, cho nên chúng con cần hướng về ngài Phổ Ba Kim Cang mà 2 đánh lễ”.

Trong số đó có một đệ tử tên là Di Hỷ Tha Gia thưa rằng: “Từ trước đến nay con kính lễ thượng sư của con, hôm nay con cũng vẫn hướng về Thượng Sư của con mà đánh lễ.” Vì thế mọi người trừ Di Hỷ ra đều hướng về Phổ Ba Kim Cang mà đánh lễ. Ngay sau đó, ngài Liên Hoa Sanh niệm: “Ban Tra Mạnh” lập tức thấy Phổ Ba Kim Cang nhập vào thân của ngài Liên Hoa Sanh. Sự kiện này cho thấy rằng Bản tôn chính là Thượng sư hiện ra, mà chỉ có Di Hỷ Tha Da đã đặc biệt được Phổ Ba Kim Cang gia trì. Pháp Phổ Ba Kim Cang truyền thừa cho đến ngày hôm nay là từ ngài Di Hỷ Tha Gia. Đây là một lối nhận được sự truyền thừa từ phép gia trì đặc biệt.

Phổ Ba Kim Cang thân màu đen lam, có 3 đầu mỗi đầu có 3 con mắt, 6 tay, và 4 chân. Giữa một đầu màu lam, đại biểu tượng phần nộ của ngài Đại Thế Chí (Kim Cang Thủ), đại biểu ý của

chư Phật, mặt bên phải màu trắng đại biểu phần nộ tướng của ngài Văn Thù Bồ Tát (Đại Oai Đức Kim Cang) đại biểu thân của chư Phật. mặt phía bên trái màu đỏ, đại biểu A Di Đà Phật (có thuyết nói là Quan Thế Âm Bồ Tát) hiện tướng phần nộ (Mã Đầu Minh Vương) đại biểu “Ngũ” của chư Phật. Trong miệng của mỗi đầu có 2 răng lộ ra xỉ lên trên và 2 răng xỉ xuống dưới.



9. Cát Tường Thiên

Cát Tường Thiên là một vị năng trừ tất cả phiền não của chúng sanh, tiêu diệt tất cả tội chướng, gọi lên tất cả các phước đức, xua đuổi tất cả những điều bất tường. Cát Tường Thiên có Phạm danh là Sri-Maha-Devi, là thần hộ pháp của Phật Giáo, bảo vệ tất cả chúng sanh được cát tường, an lạc. Trong kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ Thập Nhị Danh Hiệu đã kê ra những danh hiệu của Ngài gồm có như sau: Cát Khánh, Cát Tường Liên Hoa, Nghiêm Sức, Cự Tài, Bạch Sắc, Đại Danh Xung, Liên Hoa Nhãn, Đại Quang Diệu, Thí Thực Giả, Thí Âm giả, Bảo Quang, Đại Cát Tường... Trong kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ cũng đã đưa ra 108 danh xưng. Ngoài trừ những danh xưng này ra còn có

Bảo Tạng Thiên Nữ hoặc Đệ Nhứt Oai Đức Thành Tựu Chúng
Sự Đại Công Đức Thiên.

Hình Tượng Của Cát Tường Thiên



Các kinh sách diễn tả không giống nhau về tôn tượng của Cát Tường Thiên. Theo “Chư Thiên Truyện” quyền hạ đã tường thuật như sau:

Thân ngài đoan chánh, có 2 tay màu trắng, đỏ. Tay trái cầm ngọc Như Ý, tay phải kết ấn Thí Vô Úy. Ngài ngồi trên một bảo đài, bên trái có Phạm Thiên tay cầm bảo kính, bên phải có Đế Thích rải hoa cúng dường. Sau lưng Ngài có 7 ngọn núi báu,

trên đầu Ngài có 1 vùng mây ngũ sắc, trên vùng mây có 6 thớt voi ngà trắng, vòi voi nâng bình mã não, tự trong bình tuông ra đủ các loại đồ vật, tưới công đức xuống đầu Ngài. Sau lưng Thiên Thần có trăm rừng hoa báu, trên đầu Ngài có thiên diệp bảo cái, trên những lọng của chư Thiên có kỹ nhạc, rải hoa cúng dường.

Lợi Ích

Kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ Thập Nhị Danh Hiệu dạy rằng: Nếu có chư tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc hay ưu bà di... cho đến tất cả những loại hữu tình thường niệm 12 danh hiệu Ngài, hoặc thọ trì đọc tụng, tu tập cúng dường, vì kẽ khác mà tuyên thuyết, làm được như vậy thì các nghiệp chướng bản hàn, nghèo khổ đều được tiêu trừ và sẽ được giàu sang phú quý. Lại nói, Đà La Ni này và 12 danh hiệu năng trừ bản cùng và tất cả những điều bất tường, làm cho tất cả những nguyện cầu đều được viên mãn, hoặc thường xuyên thọ, trì, đọc, tụng, phát tâm tinh tấn không gián đoạn, tùy sức thành tâm cúng dường Đại Cát Tường Thiên Nữ Bồ Tát, đều được tất cả tài bảo mong cầu và cát tường an lạc.

Trong kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ còn nói, trì Đại Kiết Tường chơn ngôn và 108 danh hiệu, năng trừ tất cả phiền não, tội chướng, mang lại những công đức, khử trừ tất cả những điều không lành.

Thần chú: Kiết Tường Chơn Ngôn

Nam mô tam mãn đà, mẫu đà năm

A bát ra đễ, ta nẳng năm

Đát điệt tha

Án. Khê hê, kê hê

Hông, Hồng

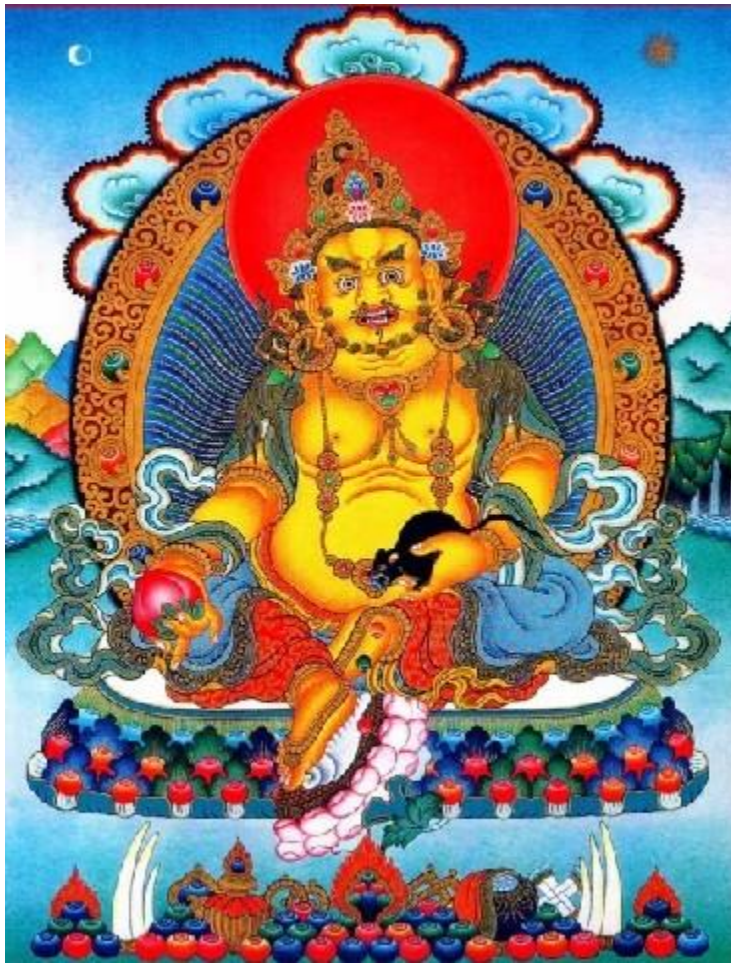
Nhập phạ ra, nhập phạ ra

Bát ra nhập phạ ra

*Bát ra nhập phạ ra
Để sắc sá, để sắc sá
Sắc trí rị, sắc trí rị
Ta phân tra, ta phân tra
Phiến để ca, thất rị duệ*

Ta phạ ha

10. Hoàng Tài Thần



Hoàng Tài Thần là một trong năm hộ tài thần chủ về tài phú, có khả năng giúp cho chúng sanh thoát khỏi cảnh nghèo khổ, thiếu thốn và được tài nguyên thăng tiến phong phú hơn. Trong ngôn

ngữ Tây Tạng, Thần Tài Thần là Tạng Ba Lạp Ta Ba Thời gian đầu tiên khi đức Thích Ca giảng kinh Đại Bát Nhã trên núi Linh Thứu, tất cả các loại ma quỷ, thần từ trước đến nay thường gây ra trở ngại đã làm cho núi cao sụp lở, khiến đại chúng kinh hoàng. Lúc này Hoàng Tài Thần liền hiện thân để bảo vệ, sau đó Đức Thế Tôn đã dặn dò ngài Hoàng Tài Thần rằng trong thời vị lai hãy giúp cho tất cả chúng sanh nghèo khổ trong thế gian. Hoàng Tài Thần đã nhận lời ủy thác của Phật và trở thành một đại hộ pháp trong Phật môn.

Bổn tôn hình tướng ngài là bụng to, thân hình nhỏ, hai tay mạnh mẽ sức lực, da màu vàng hoe. Tay mặt Ngài cầm Ma Ni châu, tay trái nắm một con chuột đang nhả viên ngọc quý. Đà ngài đội mũ Ngũ Phật, thân mặc thiên y trang sức bằng những tràng hạt ngọc quý và hoa sen màu lam. Ngực Ngài đeo tràng hạt ngọc Ô Ba La. Ngài ngồi trên nguyệt luân hoa sen, an nhiên với chân trái co lại, chân phải đạp lên trên những con ốc biển quý báu. Thành tâm trì tụng tâm chú Hoàng Tài Thần, sẽ được sự bảo vệ và tài nguyện được thăng tiến, tăng trưởng, không bị cảnh nghèo khó, tránh được mọi tình trạng túng quẫn kinh tế. Nếu như phát tâm Vô Thượng Bồ Đề cũng như phát nguyện cứu độ tất cả chúng sanh ra khỏi cảnh nghèo khổ, chắc rằng phước đức vô lượng.

Thần Chú:

Tibetan : ***Om. Jambhala Jalandrāye So Ha***

Hán-việt: Ân. Tạng bạt lạp, trát niệm trát da. Tóa ha



11. Phật Đảnh Tôn Thắng Phật Mẫu

Phật Đảnh Tôn Thắng Phật Mẫu có khả năng trừ khử tất cả mọi nghiệp chướng, phiền não, phá tan mọi ác đạo đã gây ra cho chúng sanh vô số khổ ách. Ngài làm cho chúng sanh nhận được sự hộ trì, che chở của chư vị Bồ Tát trong cuộc sống hiện tại và không bị những chướng ngại khổ não bịnh tật.

Trong Phạn văn (tiếng Ấn Độ) Ngài được gọi là Vijaya, mật hiệu là Trừ Ma Kim Cang, lại còn có tên là Tôn Thắng Phật Mẫu, Trừ Chướng Phật Đảnh. Phật Đảnh, chỉ cho V Kiến Đảnh Tướng của Như Lai, người thường không có cách nào thấy được đức tướng thù thắng tối thượng ấy. Trong tất cả các Phật đảnh, Tôn Thắng Phật Đảnh có khả năng trừ khử tất cả mọi phiền não nghiệp chướng của chúng sanh, phá tan mọi khổ ách trong ác đạo vì vậy có tên là Tôn Thắng hay Trừ Chướng Phật Đảnh.

Hình Tượng Tôn Thắng Phật Mẫu



Phật Đảnh Tôn Thẳng Phật Mẫu còn có tên là Đảnh Kế Tôn Thẳng Phật Mẫu gọi tắt là Tôn Thẳng Mẫu.

Hình tượng ngài có 3 mặt, 8 tay. Trên mỗi mặt có 3 mắt Ba Mặt

1. Mặt chính giữa màu trắng, khuôn mặt trầm lặng đẹp đẽ, biểu thị cho sự yên đẹp tai chướng.

2. Mặt phải màu vàng sáng, trong dung mạo mỉm cười vui vẻ biểu thị cho các pháp Tăng Ích.

3. Mặt bên trái màu xanh lam của hoa sen, nhìn thấy hàm răng hiện tướng hung nộ, thân như trắng sáng mùa thu không gợn một tí mây, mặt như một cô thiếu nữ tuyệt trần, biểu thị pháp Hàng Phục.

Tám Tay

1. Tay phải thứ nhất cầm chày Yết Ma Kim Cang chữ thập 4 màu để trước ngực, biểu thị hàng ma trừ tai chướng để sự nghiệp tu hành được thành tựu.
2. Tay phải thứ nhì nâng Ngài A Di Đà (hay Đại Nhật Như Lai) ngồi trên toà sen làm thượng sư biểu thị Hòa Ái.
3. Tay phải thứ ba cầm mũi tên biểu thị sự khơi dậy lòng Từ của chúng sanh.
4. Tay phải thứ tư kết Thí nguyện ấn đặt phía trước đùi chân phải, biểu thị đáp ứng đầy đủ tất cả tâm nguyện của chúng sanh.
5. Tay trái thứ nhất kết ấn Phần Nộ Quyền cầm quyển sách (sợi dây) biểu thị sự thu phục tất cả chúng sanh khó điều phục.
6. Tay trái thứ hai kết ấn Thí Vô Úy, biểu thị hướng dẫn chúng sanh ra khỏi sự sợ hãi.
7. Tay trái thứ ba cầm cung biểu thị sự chiến thắng tam giới.
8. Tay trái thứ tư kết Định ấn nâng bình Cam Lộ biểu thị làm cho chúng sanh không bệnh tật, sống trường thọ.

Căn cứ vào những lời tường thuật trong nghi quỹ, Tôn Thắng Phật Mẫu lấy Quan Âm tay hoa sen và Bồ tát tay cầm Tịch Tĩnh Kim Cang màu lam làm tả, hữu thị giả, Tứ Đại Thiên Vương làm hộ pháp. Phía đông là Bất Động Minh Vương tay cầm bảo kiếm, phía Nam là Ái Nhiễm Minh Vương tay phải cầm móc sắt, phía Tây là Trì Bồng Minh Vương tay phải cầm gậy màu lam, phía Bắc là Đại Lực Minh Vương tay phải cầm chày Kim Cang. Tất cả bốn Minh Vương thân đều màu lam, tay trái đều kết ấn Phần Nộ Quyền để trước ngực. Tóc, lông mi, và râu của 4 Minh Vương như hình lửa cháy, hàm răng lớn phần nộ nghiêng lại. Tất cả đều mặc quần da cạp, đeo răn làm chuỗi hạt, hai chân trái thẳng, chân phải cong lại, đứng oai vệ như lực sĩ.

Tôn Thắng Phật Mẫu tâm chú:

Om. Brum So Ha

Om Amrita Ayuh Dade So Ha

12. Đại Tỳ Cầu Bồ Tát

Hạnh nguyện của Ngài Đại Tỳ Cầu Bồ Tát là theo sát chúng sanh để biết được lời cầu nguyện mà giải trừ tất cả khổ ách, tiêu diệt ác đạo, làm cho những mong cầu của chúng sanh được thành tựu viên mãn. Lại còn bảo vệ cho quốc gia, khiến cho mưa thuận gió hòa, hoa trái mùa màng được tốt đẹp.

Đại Tỳ Cầu Bồ Tát tên Phạn ngữ là Maha Pratisara, phiên âm Hán Việt là Ma Ha Bát La Đề Tát Lạc, có thuyết cho rằng Ngài là hóa thân của đức Quán Thế Âm. Thường gọi tắt là Tỳ Cầu Bồ Tát. Ngài thường làm cho mọi sở cầu của chúng sanh đều được thỏa mãn. Trong Thai Tạng Mạn Đà La, Ngài ngự ở Quan Âm viện. Đây là một Bồ Tát thường theo sát những điều mong cầu của chúng sanh để tiêu trừ khổ ách, diệt ác đạo, làm cho mọi mong cầu như ý, vì thế mà tên gọi là Đại Tỳ Cầu.

Hình Tượng Ngài Đại Tỳ Cầu



Thân ngài màu vàng, một mặt tám tay, làm thành hình trạng vô úy. Ngài đội mũ trong có Hóa Phật, mỗi tay của Ngài đều kết kệ ấn. Tám loại ấn có tám loại chơn ngôn theo từng ấn. Trong Phật Giáo Nhật Bản, Phật tử thường tu pháp Ngài để cầu con và cầu cho sản phụ sanh được bình an. Tám tay cầm các vật khác nhau như:

Tay phải thứ nhất cầm chày Kim Cang

Tay phải thứ hai cầm bảo kiếm

Tay phải thứ ba cầm phủ (búa)

Tay phải thứ tư cầm kích ba chĩa

Tay trái thứ nhất cầm hỏa diệm kim luân

Tay trái thứ hai cầm luân sách

Tay trái thứ ba cầm bảo tràng

Tay trái thứ ba cầm hộp kinh

Mật hiệu là Dự Nguyễn Kim Cang. Tam muội Da hình là Phạm khiếp (Phạm Khiếp: Phạm khuông là cái hộp gỗ kẹp quyển Kinh viết trên lá)

Đại Tuỳ Cầu chơn ngôn:

Om. Bhara Bhara

Sambhara Sambhara

Indriya Visodhani

Hum, Hum

Cale

Soha

20. Lục Độ Mẫu (Green Tara)

Hạnh Nguyễn: Green Tara làm tăng trưởng phước đức, thành tựu tất cả mọi sự tốt lành, giàu sang, phú quý, khiến cho người tu hành an trú vui vẻ trong phước điền, được an nhiên tự tại. Phạm những người cầu tài bảo đều tùy nguyện được viên mãn. Lục Độ Mẫu tên xưng đầy đủ là Thánh Cứu Độ Mẫu, là hóa thân của ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, là Phật mẫu trong Bộ Quan Âm Mật Giáo. Lại còn xưng là Thánh Đa La Bồ Tát, Đa La Tôn, Đa La Tôn Quan Âm, Đa La Quan Thế Âm, Lục Độ Mẫu, Cứu Độ Mẫu, Thánh Cứu Độ Phật Mẫu, gọi tắt là Độ Mẫu. Cộng tất cả là 21 tôn, gọi là 21 Độ Mẫu đều do ngài Quán Thế Âm Bồ Tát hóa thân

Căn Cứ theo Đại Phương Quảng Mạn Thù Thất Lợi Kinh, phẩm Quán Tự Tại Bồ Tát nói rằng: Trong khi ngài Quán Tự Tại Bồ Tát an trụ trong Phổ Quang Minh Đa La tam muội, dùng tam muội lực, trong mắt phóng ra đại quang minh, Đa La Bồ Tát tức theo ánh sáng mà hóa sanh thành một thiếu nữ xinh đẹp, dùng ánh sáng trong mắt chiếu khắp chúng sanh, thương xót chúng

sinh như người mẹ hiền, thế nguyện độ hết tất cả chúng sanh ra khỏi biển khổ sanh tử.

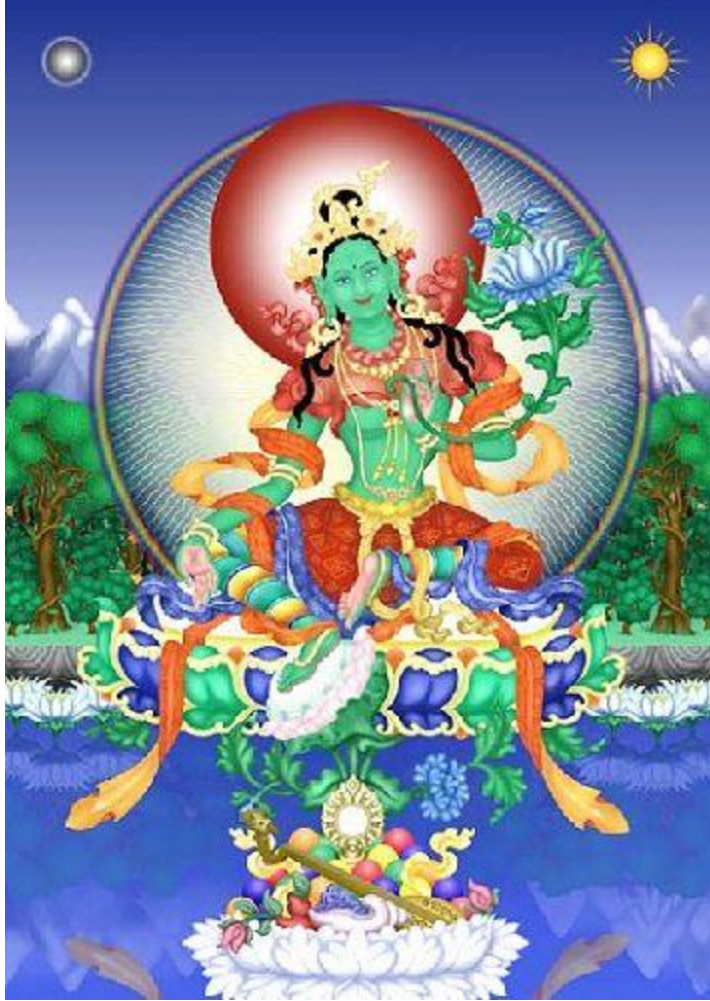
Tu trì theo pháp của Ngài Lục Độ mẫu đoạn trừ được sinh tử luân hồi. tiêu trừ tất cả mọi chướng ngại, bệnh , khổ...cũng trừ được tai nạn, tăng phước sống lâu, mở rộng trí huệ, phàm có cầu nguyện đều được thành tựu.

Trong Kinh Thánh Đa La Bồ Tát Nhất Bách Bát Danh Đà La Ni: Nếu hành giả phát tâm chí thành trì niệm 108 danh hiệu và đọc Đà La Ni này 1 biến, 7 biến, cho đến 21 biến, trong lúc tụng niệm không được bỏ sót chữ hoặc câu, người tu hành làm được như vậy sẽ gặt hái được mọi sự tốt lành và phú quý cũng như thành tựu được pháp này, tùy nguyện của mình mà vĩnh viễn không có trở ngại. Ngoài ra trong kinh Tán Dương Thánh Đức Đa La Bồ Tát Nhất Bách Bát Danh cũng có đề cập như sau: Nếu có người theo đúng Pháp mà thọ trì Đa La Bồ Tát Nhất Bách Bát Danh, sẽ được tăng phước, nổi danh, tiền của nhiều, tốt lành an trú trong ruộng phước, tài sản tăng lên và được tự tại. Kinh Cứu Độ Phật Mẫu Nhị Thập Nhất Chúng Lễ Tán nói: Cứu Độ Phật Mẫu Nhị Thập Nhất Chúng Lễ tán nói: Cầu tiền của, địa vị được tăng lên, đều được vào viên mãn ý nguyện.

Hình Tượng:



Bodhisattva Tara
Protection Against Wild Elephant



Vị tôn này hiện tướng một thiếu nữ toàn thân màu lục. Một mặt, hai tay, hiện tướng rất hiền lành. Đầu đội mũ Ngũ Phật. Thân mang các tràng hạt quý, mặc Thiên y. Hạ thân quàng váy. Thân tướng trang nghiêm, ngồi trên nguyệt luân Bồ Tát tòa. Chân phải ở trong tư thế đạp ra, chân phải co lại, Tay phải hướng ra ngoài đặt trên đầu gối phải, bắt Thí Nguyên Ấn, cầm hoa sen xanh. Tay trái để trước ngực cũng cầm hoa sen xanh.

Chơn ngôn:

Om. Tare Tuttare Ture Ye So ha

(Om. Ta-rê Tút-Ta-Rê Tu-rê Ye, So Ha)

Đàn LỤC ĐỘ MẪU.

